

CHƯƠNG 1



GIÃ NHÀ LÊN KINH

Tháng Giêng, năm Nhâm Dần, niên hiệu Cảnh Hưng thứ bốn mươi ba⁽¹⁾, gặp lúc trời xuân sáng láng, hoa cỏ tốt tươi, mấy cây ở trước sân nhà U trai của tôi nở hoa kết quả, tuyết rủ hương bay...

Trong cái ao ở mé tây vườn, đàn cá tung tăng ra đớp những vảnh trắng nhấp nhô trên sóng. Chim oanh qua lại, vun vút như thoi đưa, bay vào lùm cây mát rượi.

Tôi thường dắt tiểu đồng lên núi. Tha hồ ngắm cảnh khói mây để tiêu khiển:

hoặc ngồi ở đình Nghênh phong⁽²⁾ mà buông câu;

hoặc ngồi ở lầu Tị huyền⁽³⁾ mà gảy đàn;

(1) Năm 1781.

(2) Đình Nghênh phong: đình đón gió.

(3) Lầu Tị huyền: lầu tránh ồn ào.

hoặc ngồi ở đình Tối quang⁽¹⁾ mà đọc sách;

hoặc ngủ trước bàn cờ ở nhà Di chân⁽²⁾...

Tha hồ vui thú! Thường ngà ngà say mới về nhà.

* * *

Ngày mười hai, thấy quan Thự trấn⁽³⁾ cho hai người sai nhân đến nói:

– Quan lớn tôi có lời mừng cụ.

Tôi chẳng biết việc gì, bóc thư xem. Thấy có hai cái giấy. Một cái là bản sao lời chỉ truyền:

“Quan Nội sai Bình phiên Trạch trung hầu vâng lời chỉ, truyền cho quan Thự trấn Nghệ An là Côn lĩnh hầu phải tìm một người quê ở xã Liêu Xá, huyện Đường Hào, con quan Thượng thư họ Lê, tên là Lê Hữu Trác, tục gọi là ông cháu Bầy. Hiện nay ông ta ngụ cư ở quê mẹ, xã Tĩnh Diễm, huyện Hương Sơn.

Tìm được người này, phải sai lính ở trấn hộ vệ đưa ngay lên Kinh đợi mệnh.

Nay chỉ truyền!

Ngày hôm chín tháng Mười một năm Cảnh Hưng thứ bốn mươi hai”

(1) Đình Tối quang: Đình rất rộng.

(2) Nhà Di chân: nhà vui thú tự nhiên.

Nhà Nho xưa thường đặt tên những nơi mình ở để ngụ ý mình.

(3) Quan Thự trấn: đời Lê gọi tỉnh bằng trấn. Thự trấn đời Lê là người đứng đầu một tỉnh. Huyện Hương Sơn nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh, nhưng bấy giờ thuộc về tỉnh Nghệ An.

Một cái nữa là thư do chính tay quan Thự trấn viết, đại lược nói:

“Một anh học trò nơi thôn xóm, bỗng nhiên tiếng tăm động đến cửu trùng, tiền đồ rất có triển vọng, mừng khôn xiết kể.”

Lại nói:

“Có vương lệnh thì phải đi gấp. Lên đường ngay hôm nay. Đến trấn Vĩnh Dinh⁽¹⁾ đã có lính của trấn ở đấy sẵn sàng cùng lên đường.”

Người sai nhân nói thắm:

– Đây là quan Chánh đường⁽²⁾ thấy Đông cung vương thế tử⁽³⁾ mắc bệnh đã lâu nên cử cụ vào chữa. Việc này không phải việc thường! Phải đi gấp không kể ngày đêm mới được.

Tôi thấy sự việc quan trọng như thế, lo sợ vô cùng, người cứ như ngẩn như ngờ mất nửa giờ.

Người nhà biết việc này, xôn xao bàn tán. Kẻ hiểu cho thì lo thay cho tôi. Kẻ không hiểu cho thì mừng thắm cho tôi.

Nguyên bốn, năm năm trước đây, quan Chánh đường làm quan ở Hoan Châu⁽⁴⁾ có mời tôi chữa bệnh. Ông đãi tôi vào bậc khách quý: ngồi kê sát chiếu, ăn uống rất trọng hậu.

Sau đó, ông dẹp giặc biển thành công, về triều làm đến Tam công, được tin dùng không ai bằng.

(1) Nay thuộc Vinh, Nghệ An.

(2) Chánh đường: chức quan cao nhất do chúa Trịnh phong. Đây là Hoàng Đình Bảo, người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng, nay thuộc Bắc Ninh. Về sau Hoàng Đình Bảo bị kiêu binh giết chết.

(3) Vương thế tử: tức là Trịnh Cán, con của chúa Trịnh Sâm và tuyên phi Đặng Thị Huệ.

(4) Hoan Châu là vùng đất Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay.

Được tin này, mấy năm nay trong lòng tôi vẫn cứ áy náy lo nghĩ một mình. Tôi thường nói với học trò:

– Thế nào ta cũng phải lên Kinh một chuyến, đành phải bận rộn ở chốn phồn hoa đô hội mà phủ phàng với cỏ hoa nơi núi cũ.

Cơ sự hôm nay đã như thế rồi. Riêng tôi, tôi chỉ ân hận: sao mình đã đi ở ẩn mà còn chưa ẩn cho kín?

Nhưng ông ta vốn có cái tài của Chu Công ngày xưa, thường rất khiêm tốn đối với kẻ sĩ trong thiên hạ, nữa là đối với mình.

Có người an ủi tôi, nói:

– Cụ xưa nay tinh thâm về cái học về tinh và mệnh, nếu không làm được một ông lương tướng thì cũng làm được một ông lương y. Bấy lâu nay, cụ mai danh ẩn tích, cái đó đành là cao thượng. Nhưng nay cửu trùng đã biết, bốn bể nghe danh, đó chẳng phải là một việc kẻ trượng phu mong mỏi hay sao?

Tôi bùi ngùi trả lời:

– Cây kia có hoa nên bị người ta hái; người ta có cái hư danh nên phải lụy về chữ danh. Ví bằng trốn cái danh đi có thú hơn không?

Vì vậy, tôi cứ canh cánh bên lòng không sao ngủ được, thao thức suốt đêm. Sau, lòng lại nhủ lòng:

“Minh thuở trẻ mài gương, đọc sách. Mười lăm năm phiêu bạt giang hồ, không có cái gì là sở đắc.

Minh đã xem công danh là vật bỏ, về núi Hương Sơn dựng lều, nuôi mẹ, đọc sách, mong tiêu dao vui thú trong cái vườn

đạo lí của Hoàng Đế, Kì Bá⁽¹⁾, lấy việc giữ thân mình, cứu giúp người cho là đặc sách lắm.

Nay không ngờ lại bị cái hư danh làm lụy đến nông nỗi này!”

Rồi tôi lại tự an ủi:

“Minh lao tâm, khổ tứ về đường y học đã ba mươi năm nay mới viết một bộ *Tâm lĩnh*⁽²⁾.

Minh không dám truyền thụ riêng cho ai, chỉ muốn đem ra công bố cho mọi người cùng biết.

Nhưng việc thì nặng, sức lại mỏng, khó mà làm được.

Quý thần hiểu thấu lòng mình, chuyến này đi có chỗ may mắn đây, cũng chưa biết chừng!”

Nghĩ như thế, bất giác thấy vui hẳn lên. Bèn tiếp đãi hai người sai nhân và viết thư trả lời quan Thự trấn. Vì ông ta là chỗ quen thân, muốn ông viết hộ tôi một tờ khải nói rõ tôi đã già yếu để xin miễn đi.

Hôm sau, quan Thự trấn lại sai lính đem một lá phiếu đến, ở trong nói:

“*Bản chức đã sai một chiếc thuyền đưa cụ theo đường sông đến trạm. Xin cụ đi ngay cho. Dùng dằng sợ có liên lụy.*”

Con cái trong nhà cũng hết sức van nài. Tôi biết tình thế không đi không được. Bèn viết giấy báo các học trò thuốc đến họp.

Ngày mười bốn, làm lễ tế tiên thánh, tiên hiền rồi hát một chầu.

(1) Hoàng Đế và Kì Bá theo truyền thuyết là hai vị tổ sư của y học đã làm ra bộ *Nội kinh*.

(2) Tâm lĩnh: bộ sách thuốc *Hải Thượng Y tông tâm lĩnh*.

Ngày mười sáu, bọn học trò thấy tôi sắp đi xa, lại bày một bữa tiệc hát nữa.

Ngày mười bảy, tôi chỉnh đốn hành lí: một bên nửa gánh đồ thư, một bao đàn, kiếm. Tôi cho người đem xuống thuyền để đi đường thủy đến Vĩnh Dinh.

Bấy giờ khách khứa đầy nhà, người thì xin đơn, kẻ thì đến tiễn. Dùng dằng mãi đến khi mặt trời sắp lặn, thuyền mới nhỏ sào.

Tôi ngồi trong thuyền, ngắm cảnh sinh tình. Lòng khách chứa chan không sao nguôi. Bèn ứng khẩu một bài thơ:

*Nước chảy sao quá gấp
Người đi ý muốn chầy
Chia bờ, bầy núi chạy
Rẽ khói, chiếc buồm bay
Tiễn khách, chim gàn đó
Đuổi thuyền, cá lội đây
Trông mây cây núi cũ
Quá nửa bóng chiều đây.⁽¹⁾*

Đêm ấy, thuyền đi dưới trăng.

(1) Nguyên văn được phiên âm là:

*Thủy lưu hà thái cấp
Hành nhân ý dục trì
Quân sơn phân ngạn tẩu
Nhất trạo phách yên phi
Sa nhạn thân như tống
Du ngư cấp dục truy
Vân gian hương linh thụ
Thái bán dĩ tà huy.*

Hai bên bờ vắng ngắt. Chỉ nghe tiếng chó sủa theo. Một vắng trắng sáng vắng vặc lòng sông. Hai bên bờ, nước lên chờ khách sang sông.

Chuông nện chùa xa vắng vắng; sương che cây cỏ mịt mù. Mấy ngọn đèn chài hiu hắt; một đôi cò trắng đuổi nhau.

Những người tùy tùng đều mượn chén tiêu sầu. Tôi cũng nhân đó ngâm một bài thơ để bày tỏ nỗi lòng:

Êm đềm một dải nước mây

Quan hà man mác, khôn khuây nỗi lòng

Chiếc buồm thuận gió thẳng bong

Giọt sương gieo nặng, cánh hồng thướt tha

Rừng sâu, tiếng khánh thoảng qua

Bến xa vắng vắng khúc ca bạn chài

Đêm nay ta thấy như vậy

Ngài mai rồi nữa, chẳng hay thế nào?⁽¹⁾

Gà gáy thì đến Vĩnh Dinh. Nghỉ ở bến sông một lát.

* * *

(1) Nguyên văn phiên âm là:

*Nhất giang yên thủy tĩnh
Khách tử mãn quan hà
Phong trọng, chinh phàm cấp
Sương thâm, khứ nhạn tà
Hàn sơn lai dạ khánh
Viễn phố xuất ngư ca
Kim tịch đo như thử
Minh triều thả nại bà?*

Sáng ngày mười tám, tôi rời thuyền lên bờ, yết kiến quan Thự trấn.

Luôn mấy hôm ông chờ tôi, nhưng hôm nay có giỗ ông cụ thân sinh nên đã về quê. Chỉ còn lại những người thuộc hạ.

Ông đã bảo họ sắp sẵn mấy người lính, đem năm quan tiền làm tiền ăn đường và dặn:

– Quan lớn có giỗ phải về nhà, không được gặp mặt, chỉ có chút lễ mọn để tỏ tình.

Ông lại sai quan Văn thư⁽¹⁾ đem hai mươi người lính trong đạo, có đủ lương thực để theo hộ tống.

* * *

Ngày hai mươi, quan Văn thư sửa sang hành lí lên đường.

Vì bọn lính đi theo vẫn chưa mang đủ lương thực, còn phải đi vay tạm; cho nên đến quá trưa chúng tôi mới khởi hành.

Buổi chiều, đến nghỉ ở trạm xã Kim Khê, gọi là quán My.

Quan Văn thư làm lễ, vào yết trong miếu của xã ấy, bày ra một tiệc hát và mời tôi cùng dự.

Bấy giờ Thánh mẫu đang nhập vào cô đồng. Cô ta đang ngồi lắc lư và đang nói.

Có người bảo tôi:

– Thánh mẫu linh thiêng lắm, báo ứng không sai điều nào. Cụ lần này lên Kinh, có muốn cầu gì thì lại mà cầu.

(1) Quan Văn thư: ngang hàng với Tri phủ.

Tôi nói:

– Có mong được gì thì mới cầu chú! Lòng tôi đã không mong được gì, vậy cầu để làm gì?

Cô đồng nghe nói mỉm cười. Quan Văn thư nhìn tôi cười khanh khách.

Nửa đêm, tiệc tan, mọi người về trạm nghỉ.

* * *

Ngày hôm mốt, chúng tôi ra đi từ sáng sớm.

Bấy giờ mưa rơi tầm tã, cả đoàn đều rét mướt. Trước mắt hàng ngàn ngọn núi lờm chờm, đường sá gồ ghề.

Tôi thấy đường đi lặn lội khó khăn, buột miệng ngâm:

*Trời nam rặng núi xanh xanh
Đường trường khách những buồn tênh nổi lòng.⁽¹⁾*

Chúng tôi đi về phía núi Cẩm Sơn.

Qua đò Cẩm, đến kênh Sát. Bấy giờ, hơi biển bốc lên mù mịt, núi trùng trùng điệp điệp, nom không thấy đường. Thực là:

*Một trăm sáu ngọn núi cao
Chẳng hay sự cụ nẻo nào tới đây?*

Cách năm bước là đủ không nom thấy gì. Chỉ nghe tiếng chim kêu, vượn hú, như ở trong mây.

(1) Nguyên văn phiên âm là:
*Nam vọng thiên sơn như đại sắc
Sáu quân khách lộ tại kì trung.*

Nhìn những ngọn núi khói mây, có nhiều thú vị. Ngắm cảnh sinh tình, trong lòng tôi bồi hồi cảm xúc. Thầm nghĩ:

“Đã ba mươi năm nay, mình xem cái trò danh lợi như ngọn nước chảy xuôi; chỉ lo vui chơi nơi rừng suối, tự cho thể là đắc sách!

Ai ngờ lòng mình đã không màng danh lợi, mà cái thân lại mắc vào chốn lợi danh! Cũng vì mình thực không phải một ẩn sĩ chân chính, cho nên mới gặp nông nổi này.”

Bèn làm một bài thơ cảm hoài để bày tỏ ý mình:

*Trốn đời học thuốc xi xàng
Làm giàu chẳng biết, nghèo chẳng cũng đành
Lâm tuyền hẹn ước ba sinh
Chiếu vua⁽¹⁾ khôn chối, bằng mình dậm xa
Loi thoi nửa gánh yên hà
Đầy rừng vượn hạc đưa ta lên đường
Nghĩ mình tiếng cả tài thường
Sơ cuồng đối với thánh hoàng sợ thay!⁽²⁾*

(1) Nguyên văn phiên âm là “luân bột” nghĩa đen chỉ sợi tơ (luân) xe lại (bột), ý nói lời vua nói thì nhỏ, sau thành quan trọng. Lễ kí:

*Vương ngôn như tự kì xuất như luân,
Vương ngôn như luân kì xuất như bột.*

Đại ý là lời nói của nhà vua như sợi tơ, đưa ra thì hóa thành sợi chỉ, lời nói nhà vua như sợi chỉ, lúc đưa ra thì như sợi dây thao. Ở đây ý nói chiếu chỉ.

(2) Nguyên văn phiên âm là:

*Độn thế tông y đường nhất chân
Bất tri vị phú, khởi tri bản
Lâm tuyền dực liễu tam sinh đạo
Luân bột nan từ vạn lí thân
Bán dẫn yên hà lao dịch mã
Mãn sơn viên hạc tổng chính nhân
Hư danh tự sù y vô tha bí
Hoàng khủng sơ cuồng đối thánh quân.*